

TÚC QUYẾT ÂM CAN KINH : 14 HUYỆT

1. Đại đôn

Vị trí: Ở sau gốc móng ngón cái, bàn chân để bằng phẳng, từ giữa gốc móng ngón cái, lùi về phía sau 0,1 thốn, rồi sang phía ngón thứ 2 chân 0,1 thốn là huyết. (H. 93)

Cách châm: Châm sâu 0,1-0,3 thốn, hoặc chích nặn máu. cứu 3 mỗi, hơ 5 phút.

Chủ trị: Kinh nguyệt quá nhiều (cứu), đái dầm, trúng gió, sán khí (đau co thắt cổ bụng).

Tác dụng phối hợp: Với *Trường cường*, trị tiểu trường sán khí; với *Ấn bạch* (cứu bằng bắc đôn), trị kinh nguyệt quá nhiều.

2. Hành gian

Vị trí: Ở khe nối ngón cái và ngón 2 chân. Bàn chân để bằng phẳng, khe nối 2 ngón đó lùi lại phía sau chừng 0,5 thốn, trước khớp ngón bàn(H. 93)

Chủ trị: Kinh nguyệt không đều, tắc kinh, đau đầu, mất ngủ, bệnh tinh thần, động kinh, trẻ em kinh phong.

Tác dụng phối hợp: Với *Hoàn khiêu*, *Phong thị* trị lưng, bụng đau; với *Dũng tuyền* trị bệnh đái đường; với *Túc tam lý*, *Nội quan* trị cao huyết áp.



Hình 93

3. Thái xung

Vị trí: Ở khe xương bàn ngón 1-2 chân. Bàn chân để bằng phẳng, từ huyết *Hành gian* lên 2 thốn (có sách nói 1,5 thốn) trước gốc 2 xương bàn chân giáp nhau. (H. 93)

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 0,3 thốn. cứu 3 mỗi, hơ 5 phút.

Chủ trị: Đau đầu, đau sườn ngực, choáng váng, mắt đau nóng, động kinh, trẻ em kinh phong, đau mắt, sán khí, kinh nguyệt không đều, ỉa.

Tác dụng phối hợp: Với *Đại đôn*, trị sán khí; Với *Hợp cốc* trị tắc mũi, sổ mũi (viêm xoang); Với *Bách hội*, *Tam âm giao*, trị đau đầu huyệt; với *Túc tam lý*, trị viêm gan; Với *Hợp cốc* (2 *Thái xung*, 2 *Hợp cốc*) gọi là “Tứ quan huyết”, có tác dụng trấn tĩnh (chống co giật, run rẩy), làm giảm huyết áp.

4. Trung phong

Vị trí: Phía trước và dưới mắt cá rong chân 1 thốn, ở hố lõm cạnh trong bong gân. (H. 93)

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 0,3-0,5 thốn. cứu 3 mỗi

Chủ trị: Đau bụng dưới, bí đái, thoát vị bẹn, bùi, đau dương vật

5. Lãi cầu

Vị trí: Chân để bằng phẳng, hoặc nằm duỗi chân, từ mắt cá chân trong chân lên 5 thốn, ở cạnh sau xương chày, ấn vào thấy có hố lõm như lỗ mọt là huyệt (H. 94)

Cách châm: Châm chéch kim dưới da theo bờ xương, sâu 0,3-0,5 thốn. Cứu 3 mỗi, hơ 3-5 phút

Chủ trị: Kinh nguyệt không đều, tiểu tiện khó, đau ống chân.

Tác dụng phối hợp: Với *Thái xung*, *Khúc tuyền*, trị đau sán khí.

6. Trung đô

Vị trí: Ngồi ngay hoặc nằm ngửa duỗi chân, từ mắt cá trong chân lên 7 thốn; sát cạnh xương chày là huyệt. (H. 94)

Cách châm: Châm chéch kim dưới da theo bờ xương sâu 0,3-0,5 thốn. cứu 3 mỗi, hơ 5 phút.

Chủ trị: Kinh nguyệt không đều, băng huyết, lậu huyết, đau sán khí, đau bụng dưới, đau khớp chi dưới.

Tác dụng phối hợp: Với *Tam âm giao*, *Huyết hải*, trị bệnh kinh nguyệt không đều.

7. Tất quan

Vị trí: Ở chỗ lõm dưới và sau ụ lồi ở cạnh trong đầu tiên trên xương chày, sau *Âm lăng tuyền* khoảng 1 thốn. (H. 94)

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 1 đến 2 thốn. Cứu 5 mỗi.

Chủ trị: Đau khớp gối

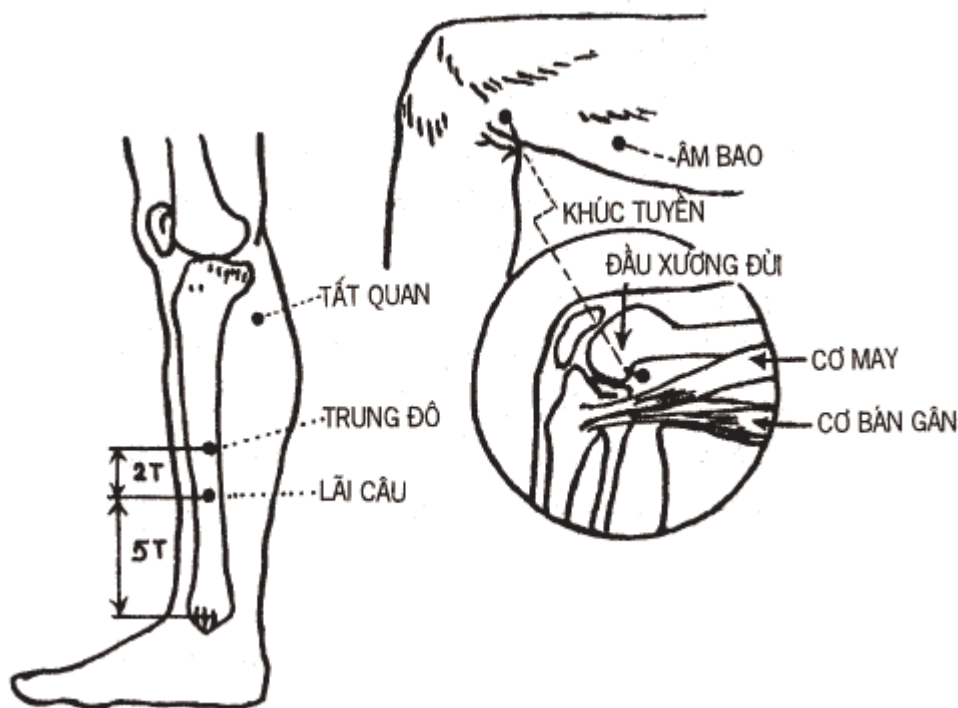
8. Khúc tuyền

Vị trí: Ở cạnh trong khớp gối, co khớp gối vuông góc, phía sau của cục lồi xương đùi, phía trên nếp gấp khuỷu chân, trước 2 gân cơ. (H. 79)

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 0,5 đến 1 thốn, có thể châm thấu huyết *Dương quan*. Cứu 3 mỗi. Hơ 5 phút.

Chủ trị: Khớp gối sưng đau, di tinh, liệt dương, đau sán khí, đau bụng dưới, ngứa hạ bộ.

Tác dụng phối hợp: Khúc tuyền thấu Dương quan trị khớp gối sưng đau; với Chiếu hải, Tam âm giao, Quan nguyên, trị đau bụng dưới.



Hình 94 - Hình 79

9. Âm bao

Vị trí: Phía trên lồi dưới cạnh trong xương đùi, huyết Khúc tuyền lên 4 thốn, giữa 2 gân cạnh trong đùi. (H. 79)

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 1-3 thốn. cứu 3 mỗi.

Chủ trị: Đau lưng, đau bụng, đái dầm, kinh nguyệt không đều.

10. Ngũ lý

Vị trí: Cạnh trong đùi, huyết âm liên xương 1 thốn. (H. 95)

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 1-3 thốn. cứu 5 mỗi

Chủ trị: Bụng dưới trướng, bí đái, bùi mẫn ngứa, đái dầm.

11. Âm liên

Vị trí: Từ chính giữa bờ trên xương mu sang ngang 2,5 thốn, rồi lại xuống 2 thốn. (H. 95)

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 1-2 thốn. Cứu 3 mỗi.

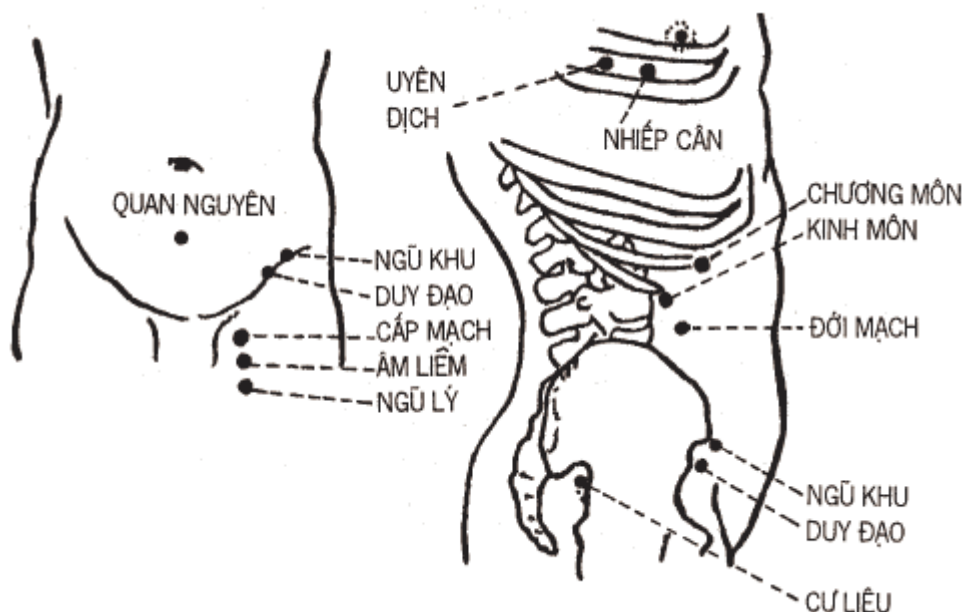
Chủ trị: Đau cạnh trong đùi, khí hư quá nhiều, kinh nguyệt không đều

12. Cáp mạch

Vị trí: từ chính giữa bờ xương mu, sang ngang 2,5 thốn, rồi lại xuống 1 thốn. (H. 95)

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 0,5 đến 1 thốn, tránh động mạch. Cứu 3 mồi.

Chủ trị: Đau dương vật, sa dạ con, đau bụng dưới, đau cạnh trong đùi.



Hình 95 - Hình 89

13. Chương môn

Vị trí: Ở hai bên cạnh bụng, đầu sườn sườn 11. (H. 89)

Cách lấy huyết: Nằm nghiêng lấy huyết, co khuỷu tay để dọc cạnh sườn, chỗ đầu nhọn móm khuỷu chiếu vào sườn, đó cũng là đầu sườn 11, là huyết.

Cách châm: Châm chéo kim xuống theo đầu sườn, sâu 0,8 đến 1 thốn. Cứu 3 mồi, hơ 5 phút.

Chủ trị: Lá lách sưng to, ỉa chảy, tiêu hoá kém, ngực sườn đau, lưng đau

Tác dụng phối hợp: Với Trung quản, Phong long, trị đau sườn; với Tỳ du, Công tôn, Bĩ căn (đều cứu), trị lá lách sưng to, sốt rét cách nhật.

14. Kỳ môn

Vị trí: Ở khe sụn sườn 6-7, thẳng đầu vú xuống.

Cách lấy huyết: Từ huyết Cự khuyệt ở Nhâm mạch sang ngang mỗi bên 3,5 thốn, từ đầu vú xuống khe sườn 6-7. (H. 81)

Cách châm: Châm chéo kim từ khe sụn sườn ra hướng ngoài, sâu 0,5–0,8 thốn. Cứu 3 mồi, hơ 5 phút.

Chủ trị: Đau dạ dày, đau sườn, tức ngực sườn, nôn mửa sốt rét, ít sữa.

Tác dụng phối hợp: Với Can du, Cách du, trị đau sườn, ngực; Với Chiên trung, trị cơn co thắt khí quản.